

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/8/2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn.
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương-Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị ML, sinh năm 1969; Nơi cư trú: ấp GHC, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị L có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: ấp GHC, xã GT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị ML trình bày:

Chị và anh Hồ Văn T sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 2010, nhưng đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã GT, huyện TP cấp giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2020, hôn nhân tự nguyện. Trong thời gian sống chung chị và anh T không có con chung.

Nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh T là do: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, vài năm sau thì chị và anh T phát sinh mâu thuẫn, không còn sống chung, sau đó chị và anh T hàn gắn lại nên mới đăng ký kết hôn. Sau khi đăng ký kết hôn, thời gian đầu chị và anh T chung sống hạnh phúc, thời gian sau chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng nên từ năm 2022 đến nay chị và anh T không còn sống chung. Khi chị và anh T không còn sống chung cha mẹ hai bên có tổ chức hàn gắn cho chị và ông T nhưng chị và anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với nhau.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh Hồ Văn T. Sau khi ly hôn chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho chị.

- Về con chung: không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp L nhiều lần các thông báo nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 53, 56, 115 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Hồ Văn T hiện sinh sống tại ấp GHC, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng:

- Chị Lê Thị ML có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt cho anh T các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh T đều không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[4] Về hôn nhân: Năm 2010 chị L và anh T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, đến năm 2020 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GT, huyện TP và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/5/2020. Do đó, việc kết hôn và đăng ký kết hôn của chị L và anh T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị L cho rằng nguyên nhân chị yêu cầu ly hôn với anh T là do vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng không còn sống chung từ năm 2022 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp L nhiều lần các thông báo, quyết định của Tòa án nhằm tạo điều kiện để chị L và anh T hòa giải với nhau nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do chị L và anh T không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

[5] Về con chung; Về tài sản chung; Về nợ chung: Do chị Lê Thị ML trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị ML phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 53, 56, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị ML. Chị Lê Thị ML được ly hôn với anh Hồ Văn T. Do chị L và anh T không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung; Về tài sản chung; Về nợ chung: Do chị Lê Thị ML trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị ML phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003652 ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TP và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp L theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TP;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Các đương sự;
- UBND xã GT, huyện TP;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vân